

**BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT**

Số: 200 /CV-BVTN

Về việc mời báo giá.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp.

Bệnh viện Thống Nhất có nhu cầu mua sắm Vật tư y tế phục vụ hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện.

Kính mời các đơn vị có quan tâm, có khả năng cung cấp Vật tư y tế phù hợp đặc tính kỹ thuật (phụ lục đính kèm) vui lòng báo giá (theo mẫu đính kèm).

- Hồ sơ gửi kèm theo báo giá bao gồm các tài liệu sau:

+ Hợp đồng trúng thầu tại các Cơ sở y tế (có hiệu lực trong vòng 90 ngày);

+ Tài liệu kỹ thuật của Vật tư y tế, giấy đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do, giấy ủy quyền của nhà sản xuất (nếu có), ...

- Thời gian nhận báo giá: trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo.

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Vật tư Trang thiết bị y tế - Bệnh viện Thống Nhất, số 01 đường Lý Thường Kiệt phường 7 quận Tân Bình TP. HCM

- Điện thoại liên hệ: 028.38690277 - 178 (DS. Quý – Phòng Vật tư - Trang thiết bị y tế)

- Email: chaogia@bvtn.org.vn

- Hình thức gửi báo giá: gửi file excel và bản scan báo giá có đóng dấu qua Email; bản giấy có đóng dấu về địa chỉ Bệnh viện.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTTBYT-H.3b.



Lê Đình Thanh

CÔNG TY:
 ĐỊA CHỈ:
 SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Thống Nhất

Địa chỉ: 01 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Tân Bình, TP. HCM

Theo Công văn mời chào giá số/BVTN-VTTTBYT ngày .../.../2023 của Bệnh viện Thống Nhất, Công ty chúng tôi báo

Stt	Stt danh mục mời chào giá	Tên danh mục	Mã hàng hóa theo QĐ 5086	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Hãng/n ước sản xuất	Hãng/n ước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/G iấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Phân nhóm theo thông tư 14/2020/ TT-BYT	Giá công khai/kê khai trên Web của Bộ Y tế	Mã kê khai	Thời hạn hiệu lực

Ghi chú: Báo giá này có hiệu lực từ ngày đến ngày.....

Ngày tháng năm 2023

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

Lưu ý:

- Đơn giá (bao gồm VAT) phù hợp với đơn vị tính của sản phẩm và phù hợp với giá đang thực hiện hợp đồng hiện tại và giá
- Thời gian hiệu lực của báo giá tối đa 90 ngày
- Cam kết giá thấp nhất: Công ty cam kết giá cung cấp cho Bệnh viện là giá thấp nhất trên thị trường, trong trường hợp có giá

Sít	STT theo	Tên Vật tư	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng dự kiến
1	1	Phổi nhân tạo người lớn	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Cấu tạo: Bề mặt bên trong phù hợp chất sinh học trillium gốc hydrophilic, có 3 màng lọc, van điều tiết áp lực âm/ dương, lưu lượng máu trao đổi 1-7lit/phút, áp lực trao đổi nước tối đa 30psi, diện tích bề mặt màng trao đổi khí 2.5m ² , thể tích 4000ml - Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA	Bộ	100
6	7	Phổi nhân tạo tích hợp lọc động mạch dùng cho người lớn kèm bình chứa	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu: Phổi nhân tạo cấu tạo từ sợi rỗng ruột polypropylene, - Thể tích bình chứa máu 4.500ml, - Cấu tạo: Ngoài ra cái phổi này còn được tích hợp bộ lọc động mạch. Bên trong được phủ bằng hợp chất hoá sinh Balance Biosurface nhằm làm tăng tính tương thích sinh học và giảm thiểu sự bám dính protein có trong huyết tương, bình chứa có 6 màng lọc trên trong với kích thước lỗ lọc có van điều tiết áp lực âm/dương và vạch cảnh báo thể tích thấp nhất. Lưu lượng máu trao đổi 1 - 7 Lit/phút. Áp lực trao đổi nước tối đa 30psi. Diện tích bề mặt màng trao đổi khí 2,5m ² . Cổng ra động mạch 3/8" Cổng vào tĩnh mạch 3/8". Thể tích mỗi 260 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA	Bộ	100
2	2	Bộ cố định mạch vành	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành tim đập - Chất liệu: PVC, Silicon, thép không gỉ - Kích thước: Giác hút 30mm, khoảng cách 2 dây giác hút 30mm - Có đặc tính tự bung (auto spread) 3.5mm, giác hút có thể uốn cong linh hoạt, để xoay được 360 độ, khóa kiểm soát. Bộ cố định có kèm dây hút chân không với bình chứa 150 ml có lọc bên trong - Tiêu chuẩn FDA	Bộ	10
3	4	Hệ thống máy đốt rung nhĩ và phụ kiện	Đầu đốt đơn và lưỡng cực phẫu thuật điều trị tim rung nhĩ - Chất liệu Tay cầm bằng nhựa, đầu đốt bằng hợp kim, Sử dụng sóng cao tần kết hợp hệ thống tưới nước muối sinh lý điều trị rung nhĩ loại đơn cực - Điện cực được làm ướt hiệu quả hơn trong việc truyền năng lượng từ tĩnh tới mô tim, hình thành vết cắt hiệu quả và cho kết quả chống loạn nhịp ổn định - Kích thước: Đầu đốt phẫu thuật dài 8cm đơn cực, đầu kẹp lưỡng cực hàm kẹp 7cm - Tiêu chuẩn FDA	Bộ	20
4	5	Ống mẫu	Ống mẫu sử dụng đo độ đông máu trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu/thành phần: có 2 kênh xác định thời gian đông máu và thay đổi Heparin, với dung dịch hỗn hợp có chứa Kaolin giúp hợp nhất với máu - Tiêu chuẩn FDA - Tương thích máy đo độ đông máu ACT-Medtronic (máy bệnh viện)	Cái	400
5	6	Dụng cụ phân phối khí	Dụng cụ thổi CO2 trong mổ mạch vành, có chức năng phun sương áp lực cao giúp bộc lộ mạch vành khi phẫu thuật - Chất liệu chính PVC và Silicon, đầu ống có thể uốn - Tay cầm khoảng 15cm, ống kim loại khoảng 15cm - Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA, CE	Bộ	50
7	8	Cannula lỗ động mạch vành	Cannula truyền dung dịch liệt tim trực tiếp xuôi dòng vào lỗ vành - Cannula bằng thép không gỉ, dễ uốn cong, đầu silicon mềm có gờ chắn bức xạ - Kích thước: 10,12,14Fr, Loại đầu cong loại 45° và 90°, chiều dài cannula 7.5 in (19.1cm). Đầu nối female Leur - lock Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	30

Stt	STT theo	Tên Vật tư	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng dự kiến
8	9	Cannula động mạch đầu cong	Cannula động mạch chủ đầu cong nhựa 90 độ dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu chính PVC và Silicon - Kích thước: Các cỡ 20-22 Fr (6,7 - 7.3 mm), co nối 3/8 (0.95cm) có công chiều dài cannula 10 in (25.4 cm) - Có đường đánh dấu ở ống giúp xác định hướng đầu cannula, có công ở đầu co nối, có công Luer-lock - Tiệt khuẩn 	Cái	100
9	10	Cannula động mạch đùi một mảnh	Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn ngoài cơ thể trong phẫu thuật tim ít xâm lấn <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu chính PVC và Silicon - Các cỡ 15-17-19-21Fr (5.0-7.0mm), với chiều dài đầu tip 18 cm, chiều dài tổng cộng 31.8 cm, công kết nối 3/8 (9.5mm) - Thiết kế wirewound chống xoắn, chiều dày thành 0.48 mm cho phép dòng chảy cao, đầu tip với vùng chuyển tiếp không gờ thích hợp cho sử dụng kỹ thuật Seldinger - Tiệt khuẩn 	Cái	30
10	12	Cannula gốc động mạch chủ	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ <ul style="list-style-type: none"> - Cannula bằng PVC, có đầu chắn bức xạ, kiểm soát áp lực động mạch chủ, kim chọc bằng thép không gỉ - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * Chiều dài Ca-nuyn: 2.5 in (6.4 cm), cỡ 18G (4Fr) thẳng * Chiều dài Ca-nuyn: 5.5 in (14cm) cỡ 12-14Fr (7-9Fr) chữ Y - Tiêu chuẩn FDA 	Cái	100
11	13	Catheter thông khí tim trái	Ống hút mềm trực tiếp tim trái <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu PVC và silicon mềm, - Kích thước: Các cỡ: 10-20Fr, 40.6cm - Cấu tạo: dễ dàng hút mà không làm tổn thương mô, có nhiều lỗ hút phân tán ở vùng đầu dạng thẳng hoặc đầu vuông góc. 	Cái	100
12	14	Ống hút tim	Ống hút mềm trực tiếp trong tim <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: chất liệu PVC và silicon, - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> * 12Fr (4mm) với 10 lỗ hút ở đầu hút, chiều dài 12" (30.5cm) * 20Fr (6.7mm) chiều dài 15" (38.1cm) - Đầu nối 1/4 (0.64cm) - Cannula thân mềm, đầu tiếp hình mũi khoan mềm giúp giảm tổn thương mô, đầu hút nhiều lỗ. 	Cái	50
13	15	Cannula tĩnh mạch hai tầng	Cannula dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu chính PVC và Silicon - Các cỡ 32/40Fr (10.7/13.3mm), 36/46Fr(12.0/15.3mm), đầu nối có thông khí 1/2 in (1.27cm), chiều dài cannula 15 in (38.1cm) - Cannulae tĩnh mạch 2 tầng đặt tại nhĩ phải có nhiều lỗ chia 2 tầng phân biệt, hệ thống dây chằng lò xo chống xoắn, thiết kế o-val. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA, ISO 	Cái	30
14	16	Cannula tĩnh mạch một tầng đầu thẳng	Cannula tĩnh mạch chủ thẳng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu chính PVC và Silicon - Kích thước: Chiều dài tổng cộng 30.5 - 38.1 cm, Các cỡ 28-30-32-34-36Fr , co nối 3/8 (9.525mm) - Ca-nuyn tĩnh mạch chủ dưới một tầng, đầu thẳng, chống rạn, chống xoắn do có vòng lò xo gia cố, có dấu đánh giá độ sâu. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA 	Cái	40

Số	STT theo	Tên Vật tư	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng dự kiến
15	17	Cannula tĩnh mạch một tầng đầu cong	<p>Cannula tĩnh mạch 1 tầng mũi cong dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu PVC và silicon - Các cỡ 12-20Fr (4.0 - 6.7mm), co nối 1/4 (0.64cm) và 12 - 31Fr (4.0 - 10.3mm) co nối 3/8 (0.95cm) chiều dài cannula 14 in 935.6cm), - Cannulae tĩnh mạch 1 tầng mũi cong đầu kim loại có nhiều công, hệ thống dây chằng lò xo chống xoắn ở thân, đường đánh dấu ở ống giúp xác định hướng đầu cannula. - Tiệt khuẩn 	Cái	30
16	18	Cannula tĩnh mạch đùi đa tầng	<p>Cannula tĩnh mạch đùi dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu chính PVC và Silicon, - Cỡ 19- 21- 25 Fr (6.3 - 8.3mm) với chiều dài đầu tip 23.6in (60 cm), chiều dài tổng cộng 30in (76.2 cm), thành mỏng 0.48mm. Đầu nối 3/8 (0.95cm) - Cannula tĩnh mạch đùi có vòng lò xo chống xoắn, thành mỏng cho dòng chảy cao, đầu tip thích hợp cho sử dụng kỹ thuật Seldinger. Kèm bộ kit can thiệp qua da. 	Cái	40
17	19	Cannula gốc động mạch chủ ít xâm lấn	<p>Cannula truyền dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ trong phẫu thuật tim ít xâm lấn (MiAR)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cannula bằng PVC trong suốt, kim bằng thép không gỉ - Kích thước: Các cỡ (7-9Fr) chiều dài cannula 12.25 in (31 cm), đầu nối femal - luer - Cannula có đầu chắn bức xạ, đầu tiếp tiêu chuẩn có tính năng flow-guard giúp ngừng chảy máu sau khi rút cannula, 	Cái	50
18	20	Cannula mạch máu	<p>Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu là PVC - Đầu ống 3mm, dài 2inch (5.1 cm) - Thân có chắn phóng xạ, đầu nối vặn xoắn - Tiệt khuẩn 	Cái	20
19	24	Hệ thống máy đốt rung nhĩ và phụ kiện	<p>Đầu đốt đơn cực phẫu thuật điều trị tim rung nhĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Tay cầm bằng nhựa, đầu đốt bằng hợp kim, Sử dụng sóng cao tần kết hợp hệ thống tưới nước muối sinh lý điều trị rung nhĩ loại đơn cực - Kích thước: Đầu đốt phẫu thuật dài 8cm (dùng trong mổ Tim hở), 20cm (dùng trong mổ Tim ít xâm lấn) - Tiêu chuẩn FDA 	Cái	20
20	34	Van tim động mạch chủ cơ học nhân tạo	<p>Van tim động mạch chủ cơ học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Van tim cấu tạo bằng carbon rắn nhiệt phân cứng, vòng van chứa một lớp lót polytetrafluoroetylen (PTFE) bên trong vải polyester nhưng đôi. - Các cỡ 16 -> 24, đường kính lỗ van 14.8 - 22.8mm, diện tích mở van 1.55 - 3.84 cm² - Đặc điểm: Thiết kế trục xoay gờ nổi, giảm tụ huyết khối, giảm tiếng ồn. - Kèm tay cầm van và dụng cụ hỗ trợ 	Cái	20
21	35	Van tim 2 lá cơ học nhân tạo	<p>Van tim 2 lá cơ học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu/ thành phần: Van tim cấu tạo bằng carbon rắn nhiệt phân cứng, vòng van chứa một lớp lót polytetrafluoroetylen (PTFE) bên trong vải polyester nhưng đôi. - Các cỡ 23 -> 33, đường kính lỗ van 18.8 - 26.8mm, diện tích mở van 2.56 - 5.35 cm² - Thiết kế trục xoay gờ nổi, giảm tụ huyết khối, giảm tiếng ồn. - Tiêu chuẩn FDA 	Cái	30

Stt	STT theo	Tên Vật tư	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng dự kiến
22	36	Van tim 2 lá sinh học từ màng ngoài tim heo	<p>Van tim 2 lá sinh học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Van có lá van từ màng ngoài tim heo, Giá đỡ đàn hồi, cấu tạo bởi acetal homopolymer được thiết kế để hấp thu lực tác động lên van trong chu chuyển tim. - Van 2 lá sinh học cỡ 25 -> 33, đường kính lỗ van 22.5 -30mm, chiều cao van 18 -23mm, - Giá đỡ đàn hồi, cấu tạo bởi acetal homopolymer được thiết kế để hấp thu lực tác động lên van trong chu chuyển tim. Vòng sợi đặt chi nằm cao hơn vòng van thật nhằm đảm bảo hiệu quả dòng chảy - Tiêu chuẩn FDA - Hỗ trợ dụng cụ đo van và tay cầm van 	Cái	20
23	37	Van tim động mạch chủ sinh học màng ngoài tim bò	<p>Van tim sinh học động mạch chủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với chất liệu PEEK của khung chính được ngâm tẩm với bari sulphat để cho phép việc hiển thị hình ảnh chụp X quang. Các lớp lá mỏng được cắt bằng laser từ mô bò đã được liên kết ngang trong dung dịch đệm glutaraldehyde - Các size 19,21,23,25,27 - Tiêu chuẩn FDA - Hỗ trợ dụng cụ đo van và tay cầm van. 	Cái	10
24	39	Van tim động mạch chủ sinh học màng ngoài tim lợn	<p>Van tim sinh học động mạch chủ làm từ màng tim lợn, được bảo quản trong dung dịch glutaraldehyd 0.2%.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khung stent được làm từ polymer cao phân tử bọc bằng lớp vải polyester giúp giảm áp lực lên lá van và dễ dàng sử dụng trong cả phẫu thuật ít xâm lấn. Công nghệ Physiologic Fixation tạo áp lực thủy tĩnh lên gốc động mạch chủ trong khi chênh áp trên bề mặt lá van bằng 0 giúp lá van có thể đóng mở một cách dễ dàng. Ngoài ra, công nghệ AOA (alpha oleic acid) giúp chống canxi hóa lá van. - Với van động mạch chủ có thể đặt cả vị trí intra-annular hoặc supra-annular. - Kích cỡ: Van động mạch chủ 19, 21, 23, 25, 27, 29mm - Tiêu chuẩn : FDA - Tương đương loại Van tim sinh học động mạch chủ Mosaic 	Cái	5
25	40	Van tim 2 lá sinh học màng ngoài tim lợn	<p>Van tim sinh học hai lá làm từ màng tim lợn, được bảo quản trong dung dịch glutaraldehyd 0.2%.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khung stent được làm từ polymer cao phân tử bọc bằng lớp vải polyester giúp giảm áp lực lên lá van và dễ dàng sử dụng trong cả phẫu thuật ít xâm lấn. Công nghệ Physiologic Fixation tạo áp lực thủy tĩnh lên gốc động mạch chủ trong khi chênh áp trên bề mặt lá van bằng 0 giúp lá van có thể đóng mở một cách dễ dàng. Ngoài ra, công nghệ AOA (alpha oleic acid) giúp chống canxi hóa lá van. - Kích cỡ: - Van hai lá 25,27,29,31,33mm - Tiêu chuẩn : FDA - Tương đương loại Van tim sinh học hai lá Mosaic 	Cái	5
26	44	Bộ dây chạy máy tim phổi nhân tạo cho từng bệnh nhân 30-50kg và trên 50kg	<p>Bộ dây chạy tim phổi nhân tạo PerfX cho từng bệnh nhân 30-50kg và trên 50kg</p> <p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Bộ	20
27	43	Bộ dây chạy máy tim phổi nhân tạo các cỡ người lớn, trẻ em	<p>Bộ dây chạy tim phổi nhân tạo PerfX có arterial filter các cỡ người lớn, trẻ em</p> <p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Cái	80
28	23	Co nối thẳng các cỡ	<p>Co nối thẳng 2 nhánh cỡ 1/4 x 1/4 có hoặc không có khóa luer</p> <p>Co nối vật liệu Polycarbonate</p> <p>Nút đẩy vật liệu PVC loại TFG</p> <p>Khóa Luer vật liệu HDPE</p> <p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Cái	100
29	48	Co nối Y các cỡ	<p>Co nối Y 3 nhánh cỡ 1/2 x 3/8 x 3/8 có hoặc không có khóa luer</p> <p>Co nối vật liệu Polycarbonate loại P.c 144R Lexan</p> <p>Nút đẩy vật liệu PVC loại TFG</p> <p>Khóa Luer vật liệu HDPE</p> <p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Cái	100

Số	STT theo	Tên Vật tư	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng dự kiến
30	25	Keo sinh học vá mạch máu và màng não BioGlue 5ml	<p>Chức năng/ công dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bịt kín kẽ hở, dính bề mặt và gia cố các mô mềm - Chi định với mô tại tim, mạch máu, phổi, sinh dục, màng cứng, đường tiêu hóa (thực quản, dạ dày - ruột non, đại trực tràng), các bộ phận khác trong ổ bụng (tuyến tụy, lá lách, gan và mật) và trong định hình miêng phẫu thuật trong sửa chữa thoát vị <p>Chất liệu/ thành phần: Là loại protein hydrogel chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%).</p> <p>Thể tích: 5ml</p> <p>Tiêu chuẩn đóng gói: được cung cấp tiệt trùng bao gồm 1 tuýp 5ml keo và 4 đầu bơm keo tiêu chuẩn</p> <p>Đặc điểm kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chịu được áp lực hơn 450mmHg - Có độ bền và độ bám dính tối ưu 	Tuýp	20
31	28	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng cỡ 6mm x 20cm, không vòng xoắn	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: ePTFE (khoảng cách các hạt: 20 +/- 10 µm) - Độ dày thành mạch 0,63mm. Đường kính trong 6mm, Dài 20cm. - Sức chịu kéo chỉ khâu: min. 300 grams. - Sức chịu nén trung bình tối thiểu (+/- SD) : 218 +/- 31 psi 	Cái	20
32	29	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng cỡ 6-7-8mm x 50cm, có vòng xoắn toàn phần	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: ePTFE (khoảng cách các hạt: 20 +/- 10 µm), vòng xoắn ngoài toàn phần chất liệu PTFE - Độ dày thành mạch 0,63mm. Đường kính trong 6-7-8mm, Dài 50cm - Sức chịu kéo chỉ khâu: min. 300 grams. - Sức chịu nén trung bình tối thiểu (+/- SD) : 218 +/- 31 psi 	Cái	20
33	3	Bộ dây dẫn máu của máy tim phổi nhân tạo	<p>Bộ dây chạy máy tim phổi nhân tạo tương thích máy Terumo</p> <p>Dây dẫn làm từ chất liệu PVC trong suốt. co nối bằng polycarbonate trong suốt. Thành dây dẫn trơn giúp máu lưu thông tốt hơn. hạn chế tổn thương tế bào và hình thành huyết khối. Đáp ứng tiêu chuẩn VI không độc.</p>	Bộ	100
34	32	Phổi nhân tạo dùng cho phẫu thuật tim người lớn và trẻ em	<p>Phổi nhân tạo có vỏ bằng polycarbonate. sợi bằng microporous polypropylene. bộ phận trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ. Bình trữ máu có vỏ bằng polycarbonate. phin lọc tĩnh mạch polyester kiểu lưới. phin lọc tâm vị polyester kiểu sáu. chất khử bọt polyurethane. Tráng X-coating giúp làm giảm tối đa sự kết dính tiểu cầu nhằm ngăn ngừa phản ứng đông máu. Diện tích màng trao đổi oxy 0.5-2.5m². Thể tích mỗi máu 43-250ml. Thể tích bình chứa máu 1000-4000ml. Thể tích hoạt động tối thiểu 15-200ml. Lưu lượng tối đa 1.5-7 lít/phút. Tiệt trùng.</p>	Cái	50
35	27	Miếng vá mạch máu (VASCULAR-PATCH 3X4CM)	<p>Miếng vá mạch máu được sản xuất từ Polyesterurethane (PUR) có các đặc tính vượt trội như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ đàn hồi tuyệt vời và độ mềm dẻo cao - tối thiểu chảy máu lỗ khâu <p>- không bị rách đường khâu do độ bền kéo và độ đàn hồi cao của vật liệu miếng vá</p> <p>- đặc tính thích ứng tối ưu giúp ghép nối chính xác thành mạch máu</p> <p>- không có xu hướng tăng sản và không có dấu hiệu phản ứng viêm mãn tính</p> <p>Kích thước 3x4CM Mỏng 0.45MM</p>	Miếng	20
36	26	Đệm khâu phẫu thuật sửa van tim	<p>Miếng đệm khâu phẫu thuật bảo vệ các mô khỏi bị vỡ hoặc ma sát bởi chỉ khâu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polytetrafluoroethylene dạng bột (ePTFE) - Kích thước 152 x 12.7 x 1.6mm, hình chữ nhật - Tiêu chuẩn CE 	miếng	20

Stt	STT theo	Tên Vật tư	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng dự kiến
37	38	Van tim cơ học làm từ chất liệu carbon nhiệt phân tinh khiết	<p>Được chỉ định trong thay van do bệnh, tổn thương hay rối loạn chức năng tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu carbon nhiệt phân tinh khiết tọa bề mặt mượt mà hơn giúp làm giảm sự hình thành huyết khối - Góc mở lá van tới 90 độ giúp tăng cường dòng chảy phiến - Đầu ra dạng ống loe giúp quản lý dòng chảy, ngăn ngừa sự xâm lấn của mô (chống pannus) - Tối ưu hóa Diện tích hiệu dụng lỗ van (EOA) đến 2.1 cm² - Độ chênh áp thấp ≤ 4.4 mmHg - Cải thiện huyết động học giúp giảm nguy cơ PPM và làm giảm nguy cơ tử vong hậu phẫu (MVR) - Vòng khâu làm bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE), gồm 2 kiểu: vòng khâu chuẩn (Standard) kích cỡ 23, 25, 27/29, và 31/33 hoặc Vòng van 3 lá mềm dẻo có chọn lọc giúp định hình lại vòng van nhưng vẫn giữ cử động tự nhiên. 	Cái	20
38	41	Vòng van tim 3 lá	<p>Lõi titanium.</p> <p>Hình dạng lược sóng 3D, thiết kế hờ.</p> <p>Đường giới hạn chỉ khâu trên thân vòng van và tiết diện viền khâu nhỏ giúp dễ khâu van.</p> <p>Cỡ 24-36mm</p>	Cái	5
39	42	Vòng van tim 2 lá	<p>Lõi van cứng ở phần trước để định hình lại vòng van và mềm dẻo ở phần sau để duy trì cử động bình thường của tim. Thiết kế hình yên ngựa.</p> <p>Có 3 vị trí giúp định vị vòng van.</p> <p>Dễ tháo tay cầm ra chỉ với 1 chỗ cắt.</p> <p>Cỡ 24-40mm</p>	Cái	5
40	30	Ống thông chuẩn đoán tim mạch	<p>Ống thông chân đoán mạch vành đa chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, chống gãy gấp tốt, thành ống mỏng, làm bằng chất liệu có cản quang - Có đường viền bện (wire braid) bằng thép không gỉ giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái. - Đầu tip cản quang tốt, khả năng nhớ hình tốt, có tùy chọn bumper tip (tip mềm) giúp bảo vệ thành mạch máu cho bệnh nhân - Có các loại Multi A1, Multi A2, Multi B1, Multi B2 - Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên - Dù các kích cỡ 4F, 5F, 6F dài 80cm, 100cm, 125cm - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F, 0.054"/1.37mm loại 6F - Tương thích guide wire 0.035"/0.038" - Chịu áp lực 1200 PSI 	Cái	50
41	31	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp động mạch	<p>Chất liệu: Polymer tăng cường vòng xoắn Stainless Steel, lớp trong PTFE.</p> <p>Đường kính: 4F, 5F, 6F, 7F, 8F.</p> <p>Chiều dài: 45cm, 65cm, 90cm.</p> <p>Hình dạng ống thông: đầu cong và đầu thẳng.</p> <p>Lớp phủ: Hydrophobic (30cm đầu xa, chi 5F, 6F, 7F và chi 8F).</p> <p>Marker: Platinum (thấy rõ dưới cản quang).</p> <p>Hệ thống dây dẫn: 0.035".</p> <p>Đạt chứng nhận: CES, ISO</p>	Cái	20
Cộng					

STT	Tên VT	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm chứa máu có chất chống đông Lithium Heparin dùng cho xét nghiệm Ion đồ và miễn dịch. Kích thước 12*75mm Thẻ tích hút mẫu 2ml, thẻ tích ống 5ml Nhựa PP chánh phẩm không lẫn tạp chất, không chất bôi trơn Ống chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 và 5000 vòng/phút trong 10 phút (kèm giấy xác nhận kiểm chứng) Nắp nhựa màu đen Đóng gói: 100 ống/ khay, 2400 cái/ thùng Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016	Ống	300.000
2	Ống xét nghiệm EDTA có nắp cao su	Ống nghiệm chứa máu có chất kháng đông EDTA K2, dùng cho xét nghiệm công thức máu, HbA1C Thẻ tích hút mẫu 2ml, thẻ tích ống 5ml Nhựa PP chánh phẩm không lẫn tạp chất Ống chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 và 5000 vòng/phút trong 10 phút (kèm giấy xác nhận kiểm chứng) Nắp nhựa màu tím lõi cao su	Ống	320.000
3	Que lấy mẫu bệnh phẩm tỵ hầu	Que lấy mẫu có khắc bề + Đầu lấy dịch được làm bằng chất liệu Flocking giúp tăng khả năng giải phóng virus tối đa sau khi lấy mẫu, cán bằng nhựa P.P mềm, dẻo. + Chiều dài: 150mm ±2mm + Đệm khắc bề: 80mm	Cái	10.000
4	Lam kính mỏng 22 mm x 22 mm	Bảng thủy tinh, trong suốt, không rạn nứt, trơn láng. 22 mm x 22 mm. Tiết trùng.	Cái	12.000
5	Lọ đựng nước tiểu	Lọ trắng sáng (cứng) hoặc đục (mềm, dẻo) 40ml bằng nhựa trung tính	Cái	76.000
6	Ống lấy mẫu xét nghiệm Falcon 15ml	Làm từ như PP trong suốt có chia vạch rõ ràng, thẻ tích 15ml. Nắp vận chắc chắn, không rò rỉ trong quá trình vận chuyển mẫu và ly tâm	Cái	50.000
7	Que gòn xét nghiệm	Cán bằng nhựa hoặc gỗ, 1 đầu bông gòn dùng để lấy bệnh phẩm. Gói 100 que, tiết trùng bằng khí EO	Que	10.000
8	Lam kính dày đầu nhám	1 đầu nhám dùng làm tiêu bản. Hộp 72 miếng.	Miếng	106.560
9	Dao cắt vi phẫu	Dao PATHO CUTTER-R 35 (cắt góc nghiêng 35), Kích thước 0,25x8x80mm. Chất liệu thép không rỉ đặc biệt, lưỡi sắc bén. Sử dụng để cắt mô kết hợp với máy cắt Microtome - Được làm từ nhựa Polymer	cái	2.500
10	Cassette nhựa	- Được đúc từ Polymer đặc giúp cho việc giữ mẫu được nhúng an toàn trong chất lỏng - Chống chịu tất cả các hóa chất trong xử lý bệnh phẩm - Vùng ghi nhãn lớn được đặt 3 bên của cassettes tạo nên sự thuận tiện - Vùng ghi nhãn phía trước nghiêng 30 độ Hộp đựng 250 cái	cái	30.000
11	Giấy lau kính hiển vi	Kích thước 100x150mm được làm từ bột gỗ, có độ mềm dẻo, bề mặt mịn và không có xơ, thích hợp để lau kính hiển vi - Giấy mềm tránh tình trạng trầy xước lăng kính	Hộp	12
12	Ống ly tâm 50ml	Làm từ như PP trong suốt có chia vạch rõ ràng, thẻ tích 50ml. Nắp vận chắc chắn, không rò rỉ trong quá trình vận chuyển mẫu và ly tâm	Cái	20.000
13	Ống nghiệm eppendorf 1.5ml	Ống ly tâm bằng nhựa PP, trong suốt có vạch chia thẻ tích rõ ràng. Sức chứa 1,5ml	Ống	3.000
14	Ống nghiệm eppendorf 2ml	Ống ly tâm bằng nhựa PP, trong suốt có vạch chia thẻ tích rõ ràng. Sức chứa 2 ml	Ống	3.000

STT	Tên VT	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
15	Đầu ART tít 200 µl có màng lọc, tiệt trùng, giảm bám dính	<p>Đầu ART tít 200 µl, có lọc, tiệt trùng, giảm bám dính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạng hộp: Hinged Rack - Màng lọc barrier đặc biệt, giúp ngăn chặn hoàn toàn khí dung. - Mức độ vô trùng (SAL) 10^{-6}, Sản phẩm được tiệt trùng bằng chiếu xạ theo chỉ thị ANSI/AAMI/ISO 11137-2006. - Bề mặt kỵ nước giúp giảm sự bám dính của chất lỏng cải thiện sự phục hồi mẫu tăng độ đúng và độ chính xác. <p>Độ sạch cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Axit Deoxyribonucleic (DNA): < 30 pg - Ribonuclease (RNase): < 10^{-9} Đơn vị Kunitz/µl - Deoxyribonuclease (DNase): < 10^{-7} Đơn vị Kunitz/µl - Chất ức chế PCR: không có - Nội độc tố (Pyrogen) < 0,06 EU/ml - Adenosine-5'-triphosphate (ATP) < 10^{-13} mg/µl - Đóng gói tiệt trùng - Chiều dài đặc biệt: 5,88cm (2.32 in) <p>Màu: Trắng trong tự nhiên</p>	Cái	30.000
16	Đầu côn QDP bằng nhựa giảm bám dính, không lọc, không tiệt trùng 1000ul	<p>Đầu côn QSP 1000ul, bằng nhựa, giảm bám dính, không lọc, không tiệt trùng, tương thích với nhiều loại micropipette.</p> <p>Đặc tính sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: polypropylene <p>- Sạch với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen. Sản phẩm được tiệt trùng bằng chiếu xạ theo chỉ thị ANSI/AAMI/ISO 11137-2006.</p> <p>Độ sạch cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Axit Deoxyribonucleic (DNA): < 30 pg - Ribonuclease (RNase): < 10^{-9} Đơn vị Kunitz/µl - Deoxyribonuclease (DNase): < 10^{-7} Đơn vị Kunitz/µl - Chất ức chế PCR: không có - Nội độc tố (Pyrogen) < 0,06 EU/ml - Adenosine-5'-triphosphate (ATP) < 10^{-13} mg/µl <p>Độ bám dính thấp Đóng gói: 1000 cái/gói, không tiệt trùng Chiều dài: 8,9cm</p> <p>Màu: Trắng trong tự nhiên</p>	Cái	50.000
17	Đầu côn QDP bằng nhựa giảm bám dính, không lọc, không tiệt trùng 10ul	<p>Đầu côn QSP 10ul, bằng nhựa, giảm bám dính, không lọc, không tiệt trùng, tương thích với nhiều loại micropipette.</p> <p>Đặc tính sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: polypropylene <p>- Sạch với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen. Sản phẩm được tiệt trùng bằng chiếu xạ theo chỉ thị ANSI/AAMI/ISO 11137-2006.</p> <p>Độ sạch cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Axit Deoxyribonucleic (DNA): < 30 pg - Ribonuclease (RNase): < 10^{-9} Đơn vị Kunitz/µl - Deoxyribonuclease (DNase): < 10^{-7} Đơn vị Kunitz/µl - Chất ức chế PCR: không có - Nội độc tố (Pyrogen) < 0,06 EU/ml - Adenosine-5'-triphosphate (ATP) < 10^{-13} mg/µl <p>Độ bám dính thấp Đóng gói: 1000 cái/gói, không tiệt trùng Chiều dài: 4,6cm</p> <p>Màu: Trắng trong tự nhiên</p>	Cái	60.000

STT	Tên VT	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
18	Đầu côn QDP bằng nhựa giảm bám dính, không lọc, không tiết trùng 200ul	<p>Đầu côn QSP 200 ul bằng nhựa giảm bám dính, không lọc, không tiết trùng, tương thích với nhiều loại micropipette.</p> <p>Đặc tính sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: polypropylene - Sạch với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen. Sản phẩm được tiết trùng bằng chiếu xạ theo chi thị ANSI/AAMI/ISO 11137-2006. <p>Độ sạch cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Axit Deoxyribonucleic (DNA): < 30 pg - Ribonuclease (RNase): < 10⁻⁹ Đơn vị Kunitz/μl - Deoxyribonuclease (DNase): < 10⁻⁷ Đơn vị Kunitz/μl - Chất ức chế PCR: không có - Nội độc tố (Pyrogen) < 0,06 EU/ml - Adenosine-5'-triphosphate (ATP) < 10⁻¹³ mg/μl <p>Xuất xứ: Mỹ Độ bám dính thấp Đóng gói: 1000 cái/gói, không tiết trùng Chiều dài: 5.1cm</p> <p>Màu: Trắng trong tự nhiên</p>	Cái	30.000
19	Đầu tít 10 μl có lọc	<p>Đầu tít QSP 10μl có lọc, tiết trùng, giảm bám dính, tương thích với nhiều loại micropipette</p> <p>Đặc tính sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: polypropylene - Sạch với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen. Ngoài ra còn sạch với nội độc tố Endotoxin và Endotoxin ATP, chất ức chế phản ứng PCR và Bioburden. <p>Độ sạch cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Axit Deoxyribonucleic (DNA): < 30 pg - Ribonuclease (RNase): < 10⁻⁹ Đơn vị Kunitz/μl - Deoxyribonuclease (DNase): < 10⁻⁷ Đơn vị Kunitz/μl - Chất ức chế PCR: không có - Nội độc tố (Pyrogen) < 0,06 EU/ml - Adenosine-5'-triphosphate (ATP) < 10⁻¹³ mg/μl - Mức đảm bảo tiết trùng (SAL): 10⁻⁶ <p>Mức đảm bảo tiết trùng cho các sản phẩm tiết trùng được đảm bảo bằng cách chiếu xạ sản phẩm này theo hướng dẫn của ANSI/AAMI/ISO 11137-2006.</p> <p>Độ bám dính thấp Đóng gói: 96 cái/hộp, tiết trùng Chiều dài: 4.6cm</p>	Cái	60.000
20	Đầu tít 1000 μl có lọc	<p>Đầu tít QSP 10μl có lọc, tiết trùng, giảm bám dính, tương thích với nhiều loại micropipette</p> <p>Đặc tính sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: polypropylene - Sạch với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen. Ngoài ra còn sạch với nội độc tố Endotoxin và Endotoxin ATP, chất ức chế phản ứng PCR và Bioburden. <p>Độ sạch cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Axit Deoxyribonucleic (DNA): < 30 pg - Ribonuclease (RNase): < 10⁻⁹ Đơn vị Kunitz/μl - Deoxyribonuclease (DNase): < 10⁻⁷ Đơn vị Kunitz/μl - Chất ức chế PCR: không có - Nội độc tố (Pyrogen) < 0,06 EU/ml - Adenosine-5'-triphosphate (ATP) < 10⁻¹³ mg/μl - Mức đảm bảo tiết trùng (SAL): 10⁻⁶ <p>Mức đảm bảo tiết trùng cho các sản phẩm tiết trùng được đảm bảo bằng cách chiếu xạ sản phẩm này theo hướng dẫn của ANSI/AAMI/ISO 11137-2006.</p> <p>Độ bám dính thấp Đóng gói: 96 cái/hộp, tiết trùng Chiều dài: 4.6cm</p>	Cái	50.000

STT	Tên VT	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
21	Đầu côn vàng có khóa	Nhựa PP y tế, trung tính không phản ứng với hóa chất. Có khóa hoặc không Thể tích hút 5 - 200 μ l. Có thể hấp tiệt trùng 121 oC. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	67.000
22	Đầu côn xanh	Nhựa PP y tế, trung tính không phản ứng với hóa chất. Thể tích hút 100 - 1000 μ l. Có thể hấp tiệt trùng 121 oC. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	20.000
23	Lọ vô trùng lấy mẫu	Lọ vô trùng lấy mẫu	Lọ	45.000
24	Ống nghiệm serum có bi	Ống nghiệm chứa máu có hạt nhựa Polystyren bên trong dung tách huyết thanh. Kích thước 12*75mm Thể tích ống 5ml, thể tích mẫu 4ml Nhựa PP chánh phẩm không lẫn tạp chất Ống chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 và 5000 vòng/phút trong 10 phút (kèm giấy xác nhận kiểm chứng) Nắp màu đỏ Đóng gói: 500 ống/ gói, 2500 cái/ thùng Tiêu chuẩn: ISO 13485-2016	Ống	85.000
25	MDL Test Tube PP/PS 12*75	Làm từ nhựa PS chánh phẩm Ống nghiệm PS 12*75, 5ml, không nắp Ống chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 và 5000 vòng/phút trong 10 phút Nhựa trong suốt. Đóng gói: 500 ống/ gói Tiêu chuẩn: ISO 13485"	Cái	80.000
26	Ống đựng bệnh phẩm có que tăm bông vô trùng	Ống nhựa PP trắng, que cán bằng nhựa hoặc gỗ, 1 đầu bông gòn dùng để lấy bệnh phẩm. Gói 100 que, tiệt trùng bằng khí EO	Ống	5.000
27	Ống nghiệm Citrate 3.8% -2ml	Ống nghiệm chứa máu có chất chống đông citrate, dùng cho xét nghiệm đông máu. Kích thước 12*75mm Thể tích mẫu 1.8 ml Nhựa PP chánh phẩm không lẫn tạp chất, không chất bôi trơn. Ống chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 và 5000 vòng/phút trong 10 phút Nắp màu xanh lá Đóng gói: 100 ống/ khay, 2400 cái/ thùng Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	144.000
28	Ống nghiệm Citrate 3.2% -2ml	Ống nghiệm chứa máu có chất chống đông citrate, dùng cho xét nghiệm đông máu. Kích thước 12*75mm Thể tích mẫu 1.8 ml Nhựa PP chánh phẩm không lẫn tạp chất, không chất bôi trơn. Ống chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 và 5000 vòng/phút trong 10 phút Nắp màu xanh lá Đóng gói: 100 ống/ khay, 2400 cái/ thùng Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	144.000
29	Ống nghiệm PS/PS 16*100, có nắp	MDL Test tube PP 16*100, CAP Làm từ nhựa PP chánh phẩm, không tạp chất, trong suốt Ống nghiệm PP 16*100, có nắp màu trắng 2 lớp chống rò rỉ. Chịu lực quay ly tâm 3000 vòng/ phút Đóng gói: 250 cái/ gói Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50.000
30	Ống xét nghiệm Chimie	Ống nghiệm Chimigly chứa máu có chất chống đông Li Heparin và NaF dùng cho xét nghiệm đường huyết. Thể tích 2ml Nhựa PP chánh phẩm không lẫn tạp chất, không chất bôi trơn Ống chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 và 5000 vòng/phút trong 10 phút (kèm giấy xác nhận kiểm chứng) Nắp màu xám Đóng gói: 100 ống/ khay, 2400 cái/ thùng	Ống	192.000

STT	Tên VT	Tiêu chí kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
31	Que cấy định lượng 1μl	Khuyên cấy nhựa định lượng 1μl. Chất liệu nhựa HIPS chánh phẩm, độ mềm vừa phải. Dài 25mm, đầu tròn láng mịn. Đóng gói kín, tiệt trùng bằng gamma. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	12.000
32	Que cấy định lượng 10μl	Khuyên cấy nhựa định lượng 10μl. Chất liệu nhựa HIPS chánh phẩm, độ mềm vừa phải. Dài 25mm, đầu tròn láng mịn. Đóng gói kín, tiệt trùng bằng gamma. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	12.000
33	Ống nghiệm nhựa PS 5ml nắp trắng, không nhãn	Làm từ nhựa PS chánh phẩm Ống nghiệm PS 12*75, 5ml, không nắp Ống chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 và 5000 vòng/phút trong 10 phút Nhựa trong suốt. Đóng gói: 500 ống/ gói Tiêu chuẩn: ISO 13485	Ống	16.000
	Cộng			